



## 6. Quy định về ủy quyền

UBND ủy quyền cho Chủ tịch UBND, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp mình hoặc UBND, Chủ tịch UBND cấp dưới; Chủ tịch UBND ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp mình hoặc Chủ tịch UBND cấp dưới; người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh ủy quyền cho UBND, Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp xã ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp mình thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền.

Việc ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập chỉ thực hiện đối với các nhiệm vụ, quyền hạn nhằm tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc quản trị đơn vị và cung ứng dịch vụ công.

## 7. Đối thoại giữa chính quyền địa phương cấp xã với Nhân dân

Ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có ít nhất 10% tổng số cử tri của cấp xã yêu cầu hoặc trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương cấp xã tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân thông qua hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc thông qua mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật để trao đổi về tình hình hoạt động của chính quyền địa phương và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương. Trường hợp tổ chức hình thức trực tiếp nếu quy mô đơn vị hành chính cấp xã quá lớn, có thể tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo từng cụm thôn, tổ dân phố.

UBND cấp xã chịu trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị đối thoại theo quy định, cùng đại diện Thường trực HĐND cùng cấp chủ trì hội nghị

đối thoại; mời đại diện cấp ủy cùng cấp tham gia hội nghị đối thoại và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm, nội dung và cách thức tham dự hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

Nội dung kết quả hội nghị đối thoại với Nhân dân phải được UBND thông báo đến Nhân dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở của chính quyền địa phương cấp xã và gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị.

## 8. Tổ chức chính quyền địa phương khi nhập các đơn vị hành chính cùng cấp

Trường hợp nhiều đơn vị hành chính nhập thành 01 đơn vị hành chính mới cùng cấp thì đại biểu HĐND của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành HĐND của đơn vị hành chính mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ.

Kỳ họp đầu tiên của HĐND ở đơn vị hành chính cấp xã mới do 01 triệu tập viên được Thường trực HĐND cấp tỉnh chỉ định trong số đại biểu HĐND của đơn vị hành chính cấp xã mới, đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh mới thì triệu tập viên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ định, để triệu tập và chủ tọa cho đến khi bầu ra Chủ tịch HĐND của đơn vị hành chính mới.

HĐND của đơn vị hành chính mới bầu các chức danh của HĐND, UBND theo quy định và hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra.

### SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/c: Toà nhà E - Trung tâm Chính trị - Hành chính,  
phường Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng

Giấy phép xuất bản số: 53/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.

In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình

Số lượng: 30.000 bản. Xuất bản phẩm không bán

# TÌM HIỂU VỀ LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN  
ĐỊA PHƯƠNG 2025



## **1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định như thế nào về các đơn vị hành chính ở nước ta?**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định các đơn vị hành chính của nước ta được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gọi chung là cấp tỉnh và xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh gọi chung là cấp xã.

Xã là đơn vị hành chính ở nông thôn; phường là đơn vị hành chính ở đô thị; đặc khu là đơn vị hành chính ở một số hải đảo có vị trí quan trọng được thành lập phù hợp với điều kiện địa lý, tự nhiên, đặc điểm dân cư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

## **2. Cấp chính quyền địa phương gồm những cơ quan nào?**

Chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính (trừ đơn vị hành chính được thành lập ở các đặc khu trong trường hợp đặc thù), là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND).

Chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

## **3. Việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương bảo đảm các nguyên tắc sau:**

- Xác định rõ nội dung và phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương được quyết định, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả.

- Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước ở trung ương cho chính quyền địa phương; phân định rõ giữa thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

- Phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và khả năng, điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm

soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền...

- Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật.

- Đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương cấp tỉnh, những vấn đề liên quan đến phạm vi từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước ở trung ương, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.

## **4. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp tỉnh trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền**

Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật;

Quyết định nguồn kinh phí để thực hiện hợp đồng một số nhiệm vụ của công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; quyết định mức phụ cấp và tổng số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước của địa phương; quyết định chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ người có tài năng và nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động công vụ tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật;

Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cùng cấp theo quy định của pháp luật;

Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình và cấp xã ở địa phương;

Quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương theo quy định của pháp luật;

Ban hành Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND cấp mình;

Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND cùng cấp; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân theo quy định của pháp luật;

Bãi nhiệm đại biểu HĐND và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

## **5. Quy định về phân quyền**

Việc phân quyền cho chính quyền địa phương các cấp phải được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, trong đó xác định rõ chủ thể thực hiện, nội dung, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, bảo đảm các nguyên tắc phân định thẩm quyền và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp theo quy định.

Chính quyền địa phương tự chủ trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền; được phân cấp, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền theo quy định, trừ trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội quy định không được phân cấp, ủy quyền.

UBND cấp tỉnh được đề xuất với Chính phủ đề nghị Quốc hội phân quyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở địa phương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với khả năng và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Chính phủ có trách nhiệm xem xét, giải quyết đề xuất của UBND cấp tỉnh; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình giải quyết việc nuôi con nuôi và thực hiện pháp luật nuôi con nuôi tại địa phương.



### 3. Lĩnh vực chứng thực

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền:

- Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;

- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản;
- Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;
- Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;
- Chứng thực giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Chứng thực giao dịch về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- Chứng thực di chúc;
- Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;
- Chứng thực văn bản phân chia di sản tài sản là động sản; quyền của người sử dụng đất; giao dịch về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.



### SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/c: Toà nhà E - Trung tâm Chính trị - Hành chính,  
phường Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 59/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 30.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

## MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP TRONG LĨNH VỰC TƯ PHÁP

(Theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày  
11/6/2025; Nghị định số 280/2025/NĐ-CP  
ngày 27/10/2025)

## **1. Các thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch đang được cấp xã triển khai thực hiện?**

- Thủ tục đăng ký khai sinh; Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con; Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động; Thủ tục đăng ký lại khai sinh; Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.

- Thủ tục đăng ký kết hôn; Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động; Thủ tục đăng ký lại kết hôn.

- Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.

- Thủ tục đăng ký khai tử; Thủ tục đăng ký khai tử lưu động; Thủ tục đăng ký lại khai tử.

- Thủ tục đăng ký giám hộ; Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ; Đăng ký giám sát việc giám hộ; Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ; Thủ tục đăng ký thay đổi giám hộ.

- Thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch.

- Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch.

- Cấp bản sao trích lục hộ tịch.

**Từ ngày 01/7/2025, bổ sung 20 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho cấp xã, cụ thể:**

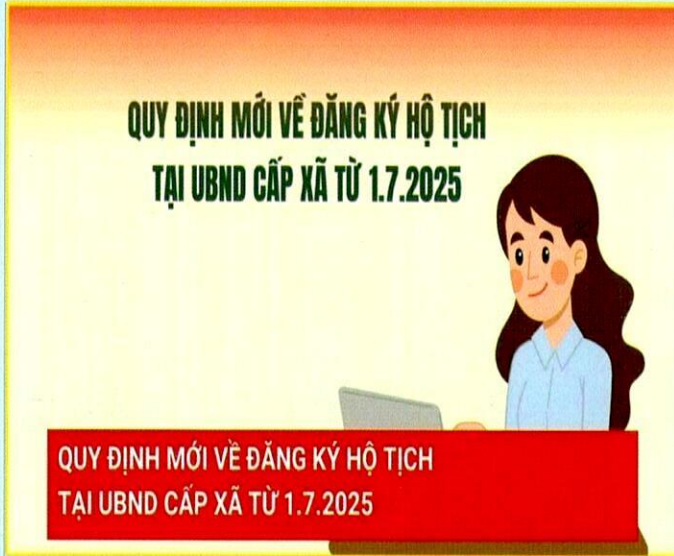
- Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài; Đăng ký lại khai sinh có

yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.

- Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài; Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài.

- Đăng ký khai tử và đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài.

- Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.



- Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài; Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài; Đăng ký giám hộ cử có yếu tố nước ngoài; Đăng ký giám hộ đương nhiên có yếu tố nước ngoài; Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài; Đăng ký thay đổi giám hộ có yếu tố nước ngoài.

- Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người từ đủ 14 tuổi trở lên.

- Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ, nhận cha-mẹ-con, xác định cha-mẹ-con, nuôi con nuôi, khai tử, thay đổi hộ tịch).

- Xác nhận thông tin hộ tịch.

Khi chính quyền 02 cấp đi vào hoạt động, tất cả các việc về hộ tịch đều được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

## **2. Lĩnh vực nuôi con nuôi**

Theo quy định tại Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước.

Theo quy định tại Nghị định số 120/2025/NĐ-CP, kể từ ngày 01/7/2025, sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, ngoài việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước, Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung một số nhiệm vụ sau:

- Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi tình hình nuôi con nuôi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Luật Nuôi con nuôi.

ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành VBQPPL và gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

### **7. Thu thập thông tin về thi hành VBQPPL**

- Trên cơ sở các nguồn thông tin về thi hành VBQPPL được thu thập (Báo cáo của cơ quan, tổ chức; Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng; Phản ánh, kiến nghị trực tiếp hoặc bằng văn bản của tổ chức, cá nhân; Kết quả hoạt động điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác; Kết quả hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; Các nguồn thông tin khác theo quy định của pháp luật); bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý kết quả trong phạm vi thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo một hoặc một số nội dung sau đây: (1) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới VBQPPL; (2) Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành VBQPPL; (3) Giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (4) Kiểm tra, rà soát, xử lý đối với VBQPPL trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp; (5) Hướng dẫn áp dụng VBQPPL; tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; (6) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm hiệu quả thi hành VBQPPL.

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả thi VBQPPL, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo việc xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới VBQPPL và gửi về Bộ Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.

- Trường hợp phát hiện văn bản hướng dẫn áp

dụng VBQPPL hoặc văn bản áp dụng trái pháp luật, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu cơ quan ban hành văn bản đó kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

### **8. Kiểm tra tổ chức thi hành pháp luật**

- Trong phạm vi quản lý nhà nước ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới trong phạm vi địa bàn quản lý.

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật và việc thi hành VBQPPL liên quan đến ngành, lĩnh vực ở địa phương.

- Nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Lưu ý: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 của Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục được thực hiện theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan.

#### **SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Đ/c: Trung tâm Chính trị - Hành chính TP. Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 62/GP-SVHTTDL ngày 13/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



**SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

## **MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

*(Theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày  
01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi  
hành văn bản quy phạm pháp luật)*



*Hải Phòng, năm 2025*

Ngày 01/4/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 80/2025/NĐ-CP về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Các hoạt động tổ chức thi hành pháp luật được quy định từ Điều 4 đến Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP; trong đó, một số nội dung cụ thể, như sau:

### **1. Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành VBQPPL**

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định thì:

- Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải được xây dựng kế hoạch triển khai.

- Đối với luật, nghị quyết, pháp lệnh không do Chính phủ trình, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày luật, nghị quyết, pháp lệnh được thông qua, người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản ban hành kế hoạch triển khai, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Đối với văn bản quy phạm pháp luật khác, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản đó, cơ quan, đơn vị có liên quan quyết định việc xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai nếu cần thiết.

### **2. Hướng dẫn áp dụng VBQPPL**

- Thẩm quyền hướng dẫn áp dụng VBQPPL thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; cụ thể:

+ Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật trừ

Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật xem xét, hướng dẫn áp dụng đối với văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành bằng văn bản hành chính, trên cơ sở đề nghị của cơ quan, kiến nghị của tổ chức, cá nhân. Trường hợp cần thiết, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành.

- Việc ủy quyền hướng dẫn áp dụng VBQPPL được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và quy định của pháp luật có liên quan.

- Việc tiếp nhận và xử lý đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng VBQPPL thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 5 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

### **3. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL**

Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP tự mình hoặc theo văn bản đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL thực hiện cung cấp thông tin, giải pháp, biện pháp, cách thức thực hiện quy định của VBQPPL cho từng trường hợp cụ thể theo các quy định tại khoản 3, 4 Điều 6 Nghị định này.

### **4. Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về VBQPPL**

- Trường hợp kiến nghị về VBQPPL được gửi trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL thì việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về VBQPPL.

- Trường hợp kiến nghị về VBQPPL được gửi

trực tiếp bằng văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền hoặc qua Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân thì việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Trường hợp kiến nghị về VBQPPL có dấu hiệu trái pháp luật thì việc tiếp nhận và xử lý kiến nghị được thực hiện theo quy định về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý VBQPPL.

### **5. Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật**

- Trong phạm vi quản lý ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật gửi về Bộ Tư pháp.

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

- Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật gồm:

+ Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật định kỳ hằng năm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

+ Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới VBQPPL theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

+ Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề về tổ chức thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền.

### **6. Kế hoạch theo dõi việc thi hành VBQPPL**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch trọng tâm, liên ngành, căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách địa phương, kết quả hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân cùng cấp, kiến nghị của cử tri, kế hoạch trọng tâm, liên ngành hằng năm của Thủ tướng Chính phủ và thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, trình Chủ tịch Ủy

lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

#### **4. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố**

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến mức tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

**Lưu ý:** Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành nghị định để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, thì việc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh được thực hiện như sau:

- Đối với chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã được quy định tại nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước mà không thay đổi tên gọi và nhiệm vụ,

quyền hạn hoặc có sự thay đổi tên gọi nhưng không thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn, thì tên gọi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chức danh đó được áp dụng theo tên gọi, thẩm quyền tương ứng quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP cho đến khi có quy định của Chính phủ thay thế.

- Đối với chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã được quy định tại nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước mà có sự thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn, thì chức danh tiếp nhận nhiệm vụ, quyền hạn đó có thẩm quyền xử phạt. Tên gọi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng theo tên gọi, thẩm quyền tương ứng quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP cho đến khi có quy định của Chính phủ thay thế.

- Đối với chức danh chưa được quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước nhưng được quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, thì thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP cho đến khi có quy định của Chính phủ thay thế.

#### **SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

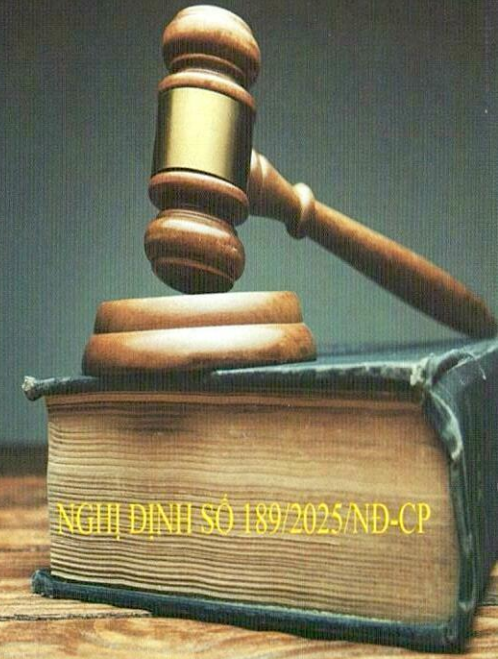
Đ/c: Trung tâm Chính trị - Hành chính TP. Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 64/GP-SVHTTDL ngày 13/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



**SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

## **MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

*(Theo Nghị định số 189/2025/NĐ-CP  
ngày 01/7/2025 của Chính phủ)*



*Hải Phòng, năm 2025*

*Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.*

*Nghị định này quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều 37a của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2025.*

## **1. Quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước**

1.1. Căn cứ quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh quy định tại Nghị định số 189/2025/NĐ-CP, nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định cụ thể chức danh có thẩm quyền xử phạt; mức phạt tiền cụ thể của từng chức danh; thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt; thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính.

1.2. Việc quy định chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý ngành, lĩnh vực, địa bàn.

## **2. Xác định thẩm quyền xử phạt và tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong một số trường hợp**

2.1. Vụ việc vi phạm hành chính do người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương được tổ chức

theo hệ thống ngành dọc đóng tại địa phương đang thụ lý, giải quyết nhưng phải chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt, thì việc chuyển hồ sơ có thể được quy định cụ thể tại các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, trường hợp không quy định tại các nghị định đó thì thực hiện theo thứ tự sau đây:

a) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc tại địa phương;

b) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cao nhất trong ngành, lĩnh vực quản lý hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm. Vụ việc vi phạm hành chính có hành vi thuộc trường hợp tại điểm c khoản 4 Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính hoặc vụ việc có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là bất động sản, tàu bay, tàu biển, tàu cá, phương tiện thủy nội địa, các loại hàng hóa, phương tiện công kênh, khó vận chuyển, chi phí vận chuyển cao thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

2.2. Vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau mà trong đó có hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì thực hiện như sau:

a) Đối với những hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì xác định theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Đối với những hành vi không thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì xác

định theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.3. Thẩm quyền xử phạt đối với trường hợp áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng cấm tàng trữ, cấm lưu hành được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu người đang giải quyết vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 và 17 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phụ thuộc vào thẩm quyền phạt tiền thì phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt trong ngành, lĩnh vực đó có thẩm quyền tịch thu không phụ thuộc vào giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

b) Nếu người đang giải quyết vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại Mục 2.3a thì phải chuyển vụ vi phạm đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm;

c) Nếu người đang giải quyết vụ việc có căn cứ để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng cấm tàng trữ, cấm lưu hành, thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo quy định tại nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

2.4. Thẩm quyền quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là hàng cấm tàng trữ, cấm lưu hành được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

## **3. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu**

- Phạt cảnh cáo;

- Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với



(viii) Người có thẩm quyền thuộc các cơ quan, lực lượng: Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan; Thuế; Quản lý thị trường; Lâm nghiệp và Kiểm lâm; Thủy sản và Kiểm ngư; Thi hành án dân sự;

(ix) Giám đốc, Trưởng đại diện Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng không; Giám đốc Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực; Giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực;

(x) Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia; Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Trưởng Ban cơ yếu Chính phủ; người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;

(xi) Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác về thẩm quyền xử phạt đối với hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền, tập trung kinh tế, cạnh tranh không lành mạnh;

(xii) Người có thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân;

(xiii) Người có thẩm quyền thuộc Viện kiểm sát nhân dân;

(xiv) Trưởng đoàn kiểm toán trong thời hạn kiểm toán, Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước.

### **5. Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025 quy định chuyển tiếp như thế nào?**

Theo Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025 quy định kể từ ngày 01/7/2025:

- Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính đã được phát hiện và đang trong quá trình xem xét, xử lý mà cơ quan, chức danh có thẩm quyền đang xử lý vụ việc kết thúc hoạt động, thì cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ theo địa bàn, lĩnh vực tiếp tục xử lý vụ việc hoặc chuyển đến người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp vi phạm hành chính đã có quyết định xử phạt, thì việc tổ chức thi hành, cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, đình chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính sẽ do cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ theo địa bàn, lĩnh vực tiếp tục thực hiện hoặc chuyển đến người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

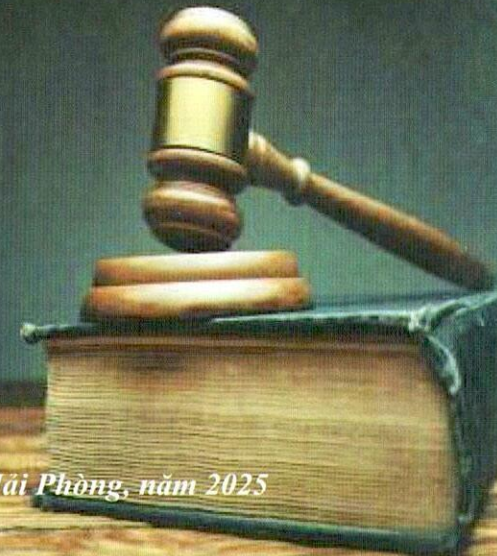
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền trong xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Công an cấp xã thực hiện thẩm quyền trong xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng Công an cấp huyện theo nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước cho đến khi có quy định của Chính phủ thay thế hoặc nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.

### **SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Đ/c: Trung tâm Chính trị - Hành chính TP. Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 63/GP-SVHTTDL ngày 13/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán

# TÌM HIỂU MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

*(Luật số 88/2025/QH15 có hiệu lực  
thi hành từ ngày 01/7/2025)*



## **1. Biện pháp xử lý hành chính là gì? Gồm bao nhiêu biện pháp?**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, điểm a khoản 28 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025 thì biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm: (i) biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu; (ii) đưa vào trường giáo dưỡng; (iii) đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và (iv) đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

## **2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025 thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung như sau:

(i) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây:

Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

Vi phạm hành chính về thuế, kiểm toán độc lập thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về kiểm toán độc lập.

(ii) Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu xử phạt áp dụng theo quy định tại Mục (i) được kéo dài thêm 01 năm. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

## **3. Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025, những lĩnh vực nào được sửa đổi, bổ sung mức phạt tiền tối đa?**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025 thì mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực sau có sửa đổi, bổ sung:

(i) Phạt tiền đến 30 triệu đồng: hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua, khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê; đối ngoại; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

(ii) Phạt tiền đến 100 triệu đồng: đê điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; chăn nuôi; phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; hoạt động hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tần số vô tuyến điện; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; dữ liệu; công nghiệp công nghệ số; xuất bản; in; thương mại; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; điện lực.

(iii) Phạt tiền đến 500 triệu đồng: xây dựng; lâm nghiệp; đất đai; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; kinh doanh bất động sản.

(iv) Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực: thuế; đo lường; an toàn thực phẩm; chất lượng sản

phẩm, hàng hóa; chứng khoán; cạnh tranh; kiểm toán độc lập; bảo vệ dữ liệu cá nhân được thực hiện theo quy định tại các luật tương ứng.

## **4. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025 bao gồm những ai?**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2025 thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

(i) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

(ii) Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ được giao chức năng, nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, trừ trường hợp Bộ, cơ quan ngang Bộ có các chức danh quy định tại Mục (iv).

(iii) Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Thủ trưởng Chi cục thuộc Cục thuộc Bộ và tương đương; Thủ trưởng Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương.

(iv) Thanh tra viên; Trưởng đoàn Thanh tra trong thời hạn thanh tra.

(v) Chánh Thanh tra của cơ quan thanh tra trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(vi) Chánh Thanh tra của cơ quan thanh tra Cơ yếu; Thủ trưởng cơ quan Thanh tra được thành lập theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

(vii) Trưởng đoàn kiểm tra của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thời hạn kiểm tra;



## GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ KỶ LUẬT TRONG THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

*(Theo Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ)*

3.13. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính hoặc không kịp thời sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính khi phát hiện có sai sót, vi phạm.

3.13. Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định; không tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

3.14. Sử dụng trái pháp luật tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính.

3.15. Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không đầy đủ, không trung thực liên quan đến nội dung kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3.16. Chống đối, cản trở người làm nhiệm vụ kiểm tra, đe dọa, trù dập người cung cấp thông tin, tài liệu cho đoàn kiểm tra, gây khó khăn cho hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3.17. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3.18. Cung cấp, tiết lộ thông tin, tài liệu, hồ sơ của đối tượng được kiểm tra cho tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền, trách nhiệm.

3.19. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, chính xác kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3.20. Thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

### 4. Áp dụng quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, mức độ vi phạm và các nội dung khác có liên quan đến việc

xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

4.2. Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm có thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả được xem xét để giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.

4.3. Các trường hợp được xem xét để miễn trách nhiệm kỷ luật gồm:

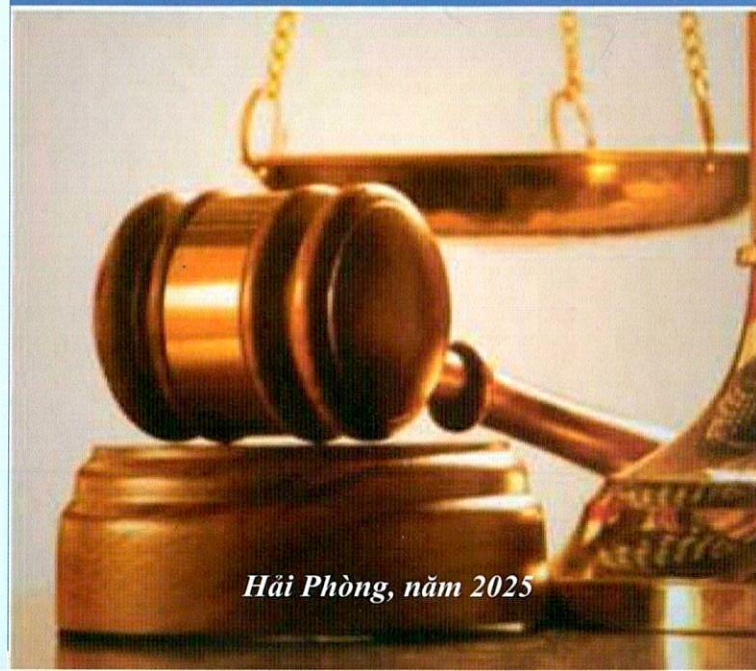
- Các trường hợp được quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
- Vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức xuất phát từ lỗi của đối tượng vi phạm hành chính;
- Người ban hành quyết định trong xử lý vi phạm hành chính tự kiểm tra, phát hiện có sai sót và đã thực hiện khắc phục sai sót theo quy định mà chưa gây ra hậu quả.

### 5. Các hình thức xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Khiển trách.
- Cảnh cáo.
- Hạ bậc lương.
- Giáng chức.
- Cách chức.
- Buộc thôi việc.
- Bãi nhiệm.

### SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/c: Trung tâm Chính trị - Hành chính TP. Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 61/GP-SVHTTDL ngày 13/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



*Ngày 26/4/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Nghị định số 93/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2025 với một số điểm mới như sau:*

## **1. Thẩm quyền kiểm tra**

1.1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

1.2. Bộ trưởng kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi được giao tổ chức thực hiện.

1.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ các cơ quan được tổ chức theo hệ thống dọc đóng trên địa bàn.

1.4. Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị cấp dưới của mình.

1.5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống dọc quản lý người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, gồm: Công an nhân dân; Bộ đội Biên phòng; Cảnh sát biển; Hải quan; Thuế; Cơ quan quản lý thi hành án dân sự; Kho bạc Nhà nước; Ngân hàng Nhà nước; Hệ thống tổ chức thống kê tập trung; Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan, đơn vị khác thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống dọc

theo quy định của pháp luật kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với cơ quan, đơn vị cấp dưới của mình.

1.6. Đối với vụ việc có tính chất phức tạp, mang tính liên ngành, trong phạm vi toàn quốc, Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cơ quan có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc kiểm tra.

## **2. Thời hạn ban hành kết luận kiểm tra**

2.1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động kiểm tra, đoàn kiểm tra dự thảo kết luận kiểm tra và gửi cho đối tượng được kiểm tra để lấy ý kiến đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra.

2.2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận kiểm tra, đối tượng được kiểm tra gửi lại đoàn kiểm tra ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra.

2.3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng được kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra hoặc 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn quy định tại Mục 2.2 mà không nhận được ý kiến bằng văn bản của đối tượng được kiểm tra đối với các nội dung trong dự thảo kết luận kiểm tra thì trưởng đoàn kiểm tra trình người có thẩm quyền kiểm tra ban hành kết luận kiểm tra.

Trưởng đoàn kiểm tra ký ban hành kết luận kiểm tra trong trường hợp được người có thẩm quyền kiểm tra ủy quyền.

## **3. Các hành vi vi phạm trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

3.1. Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính.

3.3. Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

3.3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu,

đòi, nhận tiền, tài sản của đối tượng vi phạm; dung túng, bao che, hạn chế quyền của đối tượng vi phạm khi xử lý vi phạm hành chính.

3.4. Can thiệp trái pháp luật vào việc xử lý vi phạm hành chính.

3.5. Không lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

3.6. Lập biên bản vi phạm hành chính không đúng thẩm quyền, không đúng hành vi vi phạm hành chính, không đúng đối tượng vi phạm hành chính.

3.7. Vi phạm thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính hoặc vi phạm thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3.8. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm theo quy định pháp luật hoặc không tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3.9. Xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hoặc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính không đúng thẩm quyền, thủ tục (trừ trường hợp bị xem xét xử lý về hành vi vi phạm quy định tại các Mục: 3.5, 3.6, 3.7, 3.8 và 3.10), không đúng đối tượng theo quy định pháp luật hoặc áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính hoặc không áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính.

3.10. Xác định không đúng hành vi vi phạm khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bị xem xét xử lý về hành vi vi phạm quy định tại Mục 3.9.

3.11. Kéo dài thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản được kiểm tra.

- Trong thời gian 10 ngày đối với văn bản của chính quyền địa phương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong thời gian 05 ngày làm việc đối với văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt kể từ ngày văn bản được thông qua hoặc ký ban hành.

Tự kiểm tra văn bản đối với Văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền được thực hiện theo các căn cứ: Kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật; Theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

- Kết quả tự kiểm tra văn bản phải được báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị được phân công kiểm tra. Trường hợp việc tự kiểm tra văn bản được thực hiện theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền thì kết quả tự kiểm tra văn bản phải được báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản và cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu, chỉ đạo kiểm tra văn bản.

- Trường hợp văn bản trái pháp luật, ngoài việc thực hiện báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị được phân công kiểm tra, cơ quan, người đã ban hành văn bản và cơ quan, người có thẩm quyền đã yêu cầu, chỉ đạo kiểm tra văn bản thì kết quả tự kiểm tra văn bản còn phải được báo cáo cơ quan, người đã ban hành văn bản để xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan, người ban hành văn bản xem xét báo

cáo kết quả kiểm tra văn bản; tổ chức xử lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả tự kiểm tra, nếu văn bản trái pháp luật; xem xét, xác định và xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc tham mưu, trình, ban hành văn bản trái pháp luật theo quy định.

- Công bố văn bản xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định.

### **9. Trình tự, thủ tục kiểm tra văn bản theo thẩm quyền**

- Cơ quan kiểm tra văn bản tổ chức kiểm tra văn bản theo quy định; trường hợp cần thiết thì tổ chức họp trao đổi, thảo luận hoặc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, chuyên gia về văn bản được kiểm tra.

- Kết quả kiểm tra đối với văn bản trái pháp luật được báo cáo bằng văn bản bao gồm các nội dung cơ bản như sau: Tên văn bản được kiểm tra; nội dung trái pháp luật và căn cứ pháp lý xác định nội dung trái pháp luật; ý kiến của người kiểm tra về nội dung trái pháp luật và đề xuất hướng xử lý.

- Kết luận kiểm tra văn bản được ban hành trong trường hợp xác định văn bản được kiểm tra trái pháp luật.

Trường hợp văn bản chỉ có nội dung mâu thuẫn, chòng chéo hoặc không còn phù hợp thì cơ quan kiểm tra văn bản tự mình hoặc tham mưu, đề xuất việc kiến nghị, đề nghị rà soát văn bản theo quy định tại Điều 36 của Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

### **SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Đ/c: Trung tâm Chính trị - Hành chính TP. Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 65/GP-SVHTTDL ngày 13/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



**SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

## **MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

*(Theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày  
01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà  
soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy  
phạm pháp luật; được sửa đổi, bổ sung bởi  
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)*



*Hải Phòng, năm 2025*

Ngày 01/4/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2025. Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025. Một số nội dung về công tác kiểm tra văn bản QPPL được quy định cụ thể như sau:

### **1. Khái niệm về kiểm tra văn bản**

- Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật là việc xem xét, đánh giá, kết luận về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của văn bản được kiểm tra.

- Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền là phương thức do cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện kiểm tra đối với văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra.

- Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật là phương thức do cơ quan, người đã ban hành văn bản thực hiện kiểm tra đối với văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành.

### **2. Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra**

- Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực quy định từ khoản 3 đến khoản 15 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản QPPL; văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực quy định từ khoản 3 đến khoản 15 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản QPPL có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước do người có thẩm quyền xác định.

- Văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật còn hiệu lực nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật Ban

hành văn bản QPPL.

### **3. Nội dung kiểm tra văn bản**

- Thẩm quyền ban hành văn bản.

- Nội dung, hình thức của văn bản.

- Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.

- Căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

### **4. Văn bản thuộc đối tượng xử lý**

4.1 Văn bản trái pháp luật, bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành không đúng thẩm quyền;

- Văn bản quy phạm pháp luật có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn;

- Văn bản quy phạm pháp luật quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại Điều 53 và Điều 55 của Luật Ban hành văn bản QPPL;

- Văn bản quy phạm pháp luật không tuân thủ quy định của pháp luật về xác định bí mật nhà nước hoặc độ mật của bí mật nhà nước trong văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước;

- Văn bản quy phạm pháp luật vi phạm trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản theo quy định của pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không tổ chức lấy ý kiến hồ sơ dự thảo văn bản; không thực hiện thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản; văn bản ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt nhưng không có sự đồng ý hoặc chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền; dự thảo văn bản được thông qua không đúng quy định của pháp luật;

- Văn bản quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này có chứa quy phạm pháp luật nhưng không

được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

- Văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật vi phạm Điều 61 của Luật Ban hành văn bản QPPL.

4.2. Văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày.

### **5. Hình thức xử lý văn bản trái pháp luật, văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày**

- Văn bản trái pháp luật bị đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày được đính chính theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

### **6. Thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra văn bản của chính quyền địa phương**

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành; chính quyền địa phương cấp trên kiểm tra theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật do chính quyền địa phương cấp dưới ban hành.

### **8. Trình tự, thủ tục tự kiểm tra văn bản của chính quyền địa phương**

- Cơ quan, đơn vị được phân công tự kiểm tra văn bản có trách nhiệm tổ chức kiểm tra văn bản theo các nội dung quy định; trường hợp cần thiết thì

thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy vào sử dụng, hoạt động khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

3.5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này khi để xảy ra cháy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 3.3.

b) Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 3.4.

#### **4. Vi phạm quy định về thoát nạn trong phòng cháy và chữa cháy**

4.1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lắp gương trên đường thoát nạn;

b) Cửa đi trên lối ra thoát nạn không mở theo chiều thoát nạn.

4.2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi để vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông, vật dụng, thiết bị khác cản trở lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn.

4.3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì cửa đi đã được lắp đặt trên lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn;

b) Khóa cửa đi lắp đặt trên lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn.

4.4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì lối thoát nạn hoặc đường

thoát nạn của gian phòng, khu vực;

b) Không có đủ lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của gian phòng, khu vực.

4.5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không duy trì lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của nhà, công trình;

b) Không có đủ lối thoát nạn hoặc đường thoát nạn của nhà, công trình.

4.6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 4.5.

4.7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tháo gương trên đường thoát nạn đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 4.1a;

b) Buộc mở cửa theo chiều thoát nạn đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 4.1b;

c) Buộc di chuyển vật tư, hàng hóa, phương tiện giao thông, vật dụng, thiết bị khác đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 4.2;

d) Buộc duy trì cửa đi trên lối thoát nạn, đường thoát nạn đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 4.3.

#### **Lưu ý:**

Mức phạt tiền nêu trên là mức phạt được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

#### **SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Đ/c: Trung tâm Chính trị - Hành chính TP. Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 66/GP-SVHTTDL ngày 13/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



**SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

## **XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

**(Theo Nghị định số 106/2025/NĐ-CP  
ngày 15/5/2025 của Chính phủ)**



**Hải Phòng, năm 2025**

Ngày 15/5/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 106/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; bãi bỏ mục 3 của Chương II Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

Một số hành vi vi phạm quy định cụ thể tại Nghị định như sau:

### **1. Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy trong lắp đặt, sử dụng điện**

1.1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt, sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện, thiết bị đóng ngắt, bảo vệ không bảo đảm an toàn phòng cháy.

1.2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không duy trì thiết bị điện phòng nổ đã được trang bị, lắp đặt.

1.3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị, lắp đặt, sử dụng thiết bị điện phòng nổ.

1.4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có giải pháp ngăn cháy đối với khu vực sạc điện cho xe động cơ điện tập trung trong nhà;

b) Không có hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy;

c) Không duy trì nguồn điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy.

1.5. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với các hành vi nêu tại mục 1.1, 1.2, 1.3 khi để xảy ra cháy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện giải pháp ngăn cháy đối với hành vi vi phạm nêu tại mục 1.4a.

### **2. Vi phạm quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

2.1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc không đúng mức phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định đối với cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

b) Nộp từ 50% đến dưới 100% tổng số tiền được trích cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy, từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

2.2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nộp dưới 50% tổng số tiền được trích cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

2.3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc nhóm 2 theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

2.4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc nhóm 1 theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

b) Không nộp tiền được trích cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

**Lưu ý:** Cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc nhóm 1, 2 được quy định cụ thể tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP

ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

### **3. Vi phạm quy định về thẩm định thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy**

3.1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chuyển đổi, bổ sung công năng hoặc cải tạo công trình, hạng mục công trình trong quá trình sử dụng thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành;

b) Hoán cải phương tiện giao thông trong quá trình sử dụng thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

3.2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình hoặc sản xuất lắp ráp, đóng mới phương tiện giao thông thuộc diện phải thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy khi chưa có văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

3.3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông đã được thẩm duyệt thiết kế hoặc thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy vào khai thác, sử dụng khi chưa có văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan quản lý chuyên ngành.

3.4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa công trình, hạng mục công trình, phương tiện giao thông



# MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ NĂM 2024



quy định của pháp luật; thường xuyên kiểm tra, kịp thời sửa chữa, thay thế dây dẫn điện, thiết bị điện không bảo đảm an toàn về phòng cháy.

- Chỉ được sử dụng thiết bị sạc điện cho xe động cơ điện bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; nơi sạc điện cho xe động cơ điện trong nhà phải có giải pháp bảo đảm an toàn về phòng cháy; khu vực sạc điện cho xe động cơ điện tập trung trong nhà còn phải có giải pháp ngăn cháy và trang bị phương tiện chữa cháy phù hợp, bảo đảm tiêu chuẩn.

## 6. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý của mình; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi cả nước;

- Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp xã được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình; Bộ trưởng Bộ Công an được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi cả nước.

## 7. Tình huống cứu nạn, cứu hộ

- Cứu nạn, cứu hộ trong đám cháy;

- Cứu nạn, cứu hộ trong tình huống tai nạn, sự cố bao gồm: có người đuối nước; sập, đổ nhà, công trình, cây cối; tai nạn, sự cố do phương tiện, thiết bị gây ra; sạt lở đất, đá; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; các tai nạn, sự cố khác khi có yêu cầu;

- Tìm kiếm nạn nhân.

## 8. Thẩm quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia cứu nạn, cứu hộ

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, phương tiện của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý của mình;

- Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh và Trưởng Công an cấp xã được quyền huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản của lực lượng Công an nhân dân thuộc phạm vi quản lý của mình.

## 9. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bao gồm:

Lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở.; Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng.

## 10. Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở thuộc danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;

- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của cơ sở không thuộc danh mục cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

### SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/c: Toà nhà E - Trung tâm Chính trị - Hành chính,  
phường Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng

Giấy phép xuất bản số: 56/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.

In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình

Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán

## 1. Thuật ngữ cần hiểu trong phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

“Cháy” là phản ứng hóa học có tỏa nhiệt, phát ra ánh sáng hoặc khói, gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, an ninh, trật tự.

“Phòng cháy” là tổng hợp các hoạt động, biện pháp, giải pháp để hạn chế, loại trừ nguyên nhân, điều kiện, nguy cơ xảy ra cháy nhằm bảo đảm an toàn, giảm thiểu thiệt hại do cháy gây ra.

“Chữa cháy” là tổng hợp các hoạt động chống cháy lan, dập tắt đám cháy và các hoạt động khác để giảm thiểu thiệt hại do cháy gây ra.

“Tai nạn”, “sự cố” bao gồm: có người đuối nước; sập, đổ nhà, công trình, cây cối; tai nạn, sự cố do phương tiện, thiết bị gây ra; sạt lở đất, đá; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; các tai nạn, sự cố khác khi có yêu cầu.

“Cứu nạn” là hoạt động cứu người thoát khỏi nguy hiểm đang đe dọa đến tính mạng, sức khỏe trong các vụ cháy, tai nạn, sự cố và hoạt động tìm kiếm nạn nhân.

“Cứu hộ” là hoạt động cứu phương tiện, tài sản thoát khỏi nguy hiểm trong các vụ cháy, tai nạn, sự cố.

## 2. Báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ

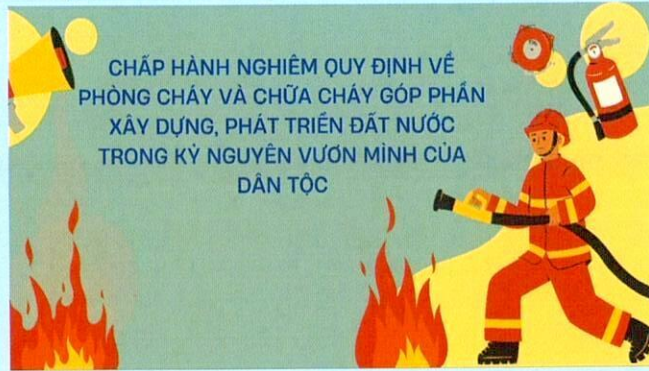
- Người phát hiện cháy, tình huống cứu nạn, cứu hộ thì báo ngay cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất.

- Thông tin báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được thực hiện bằng hiệu lệnh, điện thoại hoặc tín hiệu từ thiết bị truyền tin báo cháy hoặc báo trực tiếp cho cơ quan, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gần nhất.

Số điện thoại báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ được quy định thống nhất trong cả nước là 114.

- Lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cơ quan Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được tin báo phải thông tin ngay cho lực lượng

Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có thẩm quyền để giải quyết.



## 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

- Cố ý gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố hoặc kích động, xúi giục, dụ dỗ người khác gây cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại về người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến kinh tế, môi trường, an ninh, trật tự;

- Xúc phạm, đe dọa, cản trở, chống đối lực lượng thực hiện nhiệm vụ và người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, những nhiễu, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

Lợi dụng việc tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Làm giả, làm sai lệch kết quả thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

- Báo cháy giả; báo tình huống cứu nạn, cứu hộ giả.

- Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hàng hóa, chất, vật phẩm nguy hiểm về cháy, nổ;

- Chuyển đổi, bổ sung công năng sử dụng công

trình, hạng mục công trình không bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật;

- Kinh doanh phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có chất lượng không đúng với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

- Chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; tự ý thay đổi, di chuyển, che khuất phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, biển báo, biển chỉ dẫn đã được trang bị theo quy định; cản trở lối thoát nạn; làm mất tác dụng của lối thoát nạn, đường thoát nạn, ngăn cháy lan;

- Lấn chiếm, bố trí vật cản gây cản trở hoạt động của phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới.

## 4. Phòng cháy đối với nhà ở

- **Đối với nhà ở tại thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước** phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy thì phải trang bị bình chữa cháy, thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy theo lộ trình.

- **Đối với nhà ở tại khu vực khác** thì khuyến khích trang bị thiết bị truyền tin báo cháy kết nối với hệ thống Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và truyền tin báo cháy.

Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương xác định khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy.

## 5. Trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy

- Chấp hành quy định về an toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt theo quy định của pháp luật về điện lực.

- Đơn vị bán lẻ điện khi đấu nối điện sinh hoạt phải tư vấn việc lắp đặt, sử dụng đối với hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn về phòng cháy.

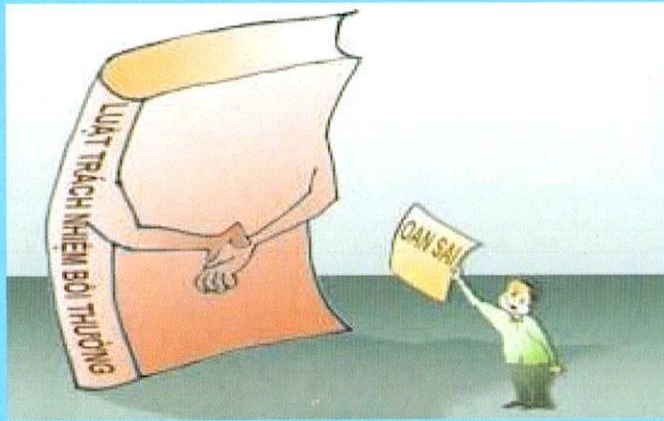
- Việc lắp đặt, sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện trong nhà phải bảo đảm yêu cầu về an toàn điện theo



- Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo theo quy định của Luật tố cáo.

- Cơ quan ra quyết định xử lý kỷ luật buộc thôi việc đối với công chức.

- Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; Tòa án có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính



### 3. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường

Việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường được thực hiện như sau:

- Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tổ chức họp với các cơ quan có liên quan để xác định cơ quan giải

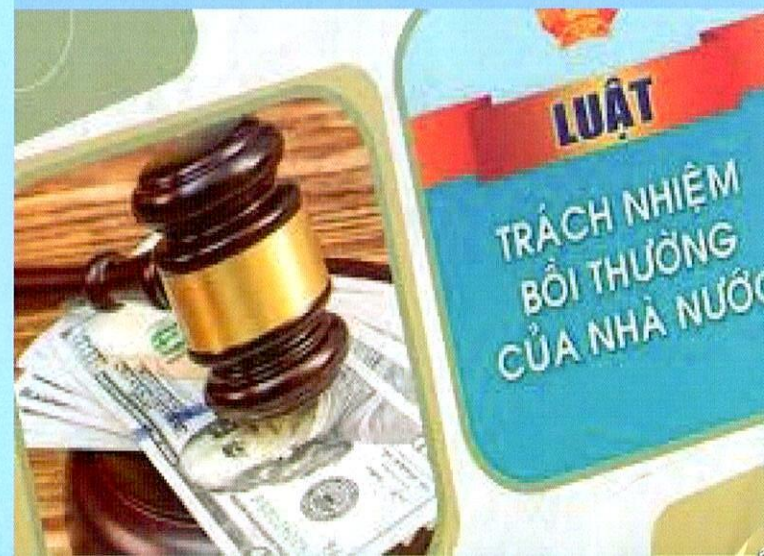
quyết bồi thường.

- Trường hợp các cơ quan thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường thì cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường.

- Trường hợp các cơ quan không thống nhất được cơ quan giải quyết bồi thường thì cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước quyết định một trong số các cơ quan có liên quan là cơ quan giải quyết bồi thường và ban hành văn bản xác định cơ quan giải quyết bồi thường.



SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
Đ/c: Toà E - Trung tâm Hành chính, chính trị  
Thủy nguyên - Hải Phòng  
Giấy phép xuất bản số: 48/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.  
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



# TÌM HIỂU

## QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CƠ QUAN GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

**1. Cơ quan giải quyết bồi thường** là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật về tố tụng. Cơ quan giải quyết bồi thường có thể là một trong các cơ quan sau:

- Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.
- Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật về TTDS.
- Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự theo quy định của pháp luật về TTHS.
- Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính theo quy định của pháp luật về TTHC.

## **2. Cơ quan giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính**

### **2.1. Cơ quan giải quyết bồi thường ở Trung ương**

- *Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ* là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình.

- *Tổng cục, cục, các đơn vị khác có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc thuộc cơ quan*

*thuộc Chính phủ* là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình.

### **2.2. Cơ quan giải quyết bồi thường tại cấp tỉnh**

- *UBND cấp tỉnh* là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp:

- + Người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình.
- + Hành vi gây thiệt hại của UBND cấp huyện thuộc nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh kể từ ngày 01/7/2025.

- *Cơ quan chuyên môn hoặc các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp tỉnh có tư cách pháp nhân, có tài khoản riêng* là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp:

- + Người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình.
- + Hành vi gây thiệt hại của UBND cấp huyện thuộc nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị đó kể từ ngày 01/7/2025

**2.3. UBND cấp xã** là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp:

- Người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình.
- Hành vi gây thiệt hại của UBND cấp

huyện thuộc nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã kể từ ngày 01/7/2025.

*\* Đối với các vụ việc yêu cầu bồi thường phát sinh tại UBND cấp xã cũ*



- *Trước thời điểm 01/7/2025 mà UBND cấp xã cũ đang giải quyết:* UBND cấp xã mới tiếp tục giải quyết bồi thường đối với vụ việc do UBND cấp xã cũ chưa thực hiện xong tính đến thời điểm sáp nhập. Chủ tịch UBND cấp xã mới tổ chức thực hiện việc xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ đối với các vụ việc do UBND cấp xã cũ chưa thực hiện xong tính đến thời điểm sáp nhập.

- *Sau thời điểm 01/7/2025:* UBND cấp xã mới là cơ quan giải quyết bồi thường

### **3.4. Cơ quan khác**

- Cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin theo quy định của Luật tiếp cận thông tin

chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài.

**\* Ghi chú vào Sổ việc khai sinh:** - Khoản 2 Điều 16 Luật số 79/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm quyền có quốc tịch Việt Nam của trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, cụ thể: “*Trường hợp trẻ em đã được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, có quốc tịch nước ngoài thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh và việc giữ quốc tịch nước ngoài phải phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch. Cha mẹ trẻ phải có bản cam đoan về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch và chịu trách nhiệm về việc cam đoan này.*”

Như vậy, cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ thực hiện ghi chú vào Sổ hộ tịch việc khai sinh đối với trẻ em<sup>(1)</sup> (trẻ đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài) với điều kiện việc giữ quốc tịch nước ngoài phải phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch. Cha mẹ trẻ

phải nộp Bản cam đoan theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan này. Trường hợp có căn cứ xác định người yêu cầu cam đoan không đúng sự thật khi nộp hồ sơ thì cơ quan có thẩm quyền không tiếp nhận hồ sơ.

*Điều 1 Luật Trẻ em quy định: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”*



#### SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/c: Toà E - Trung tâm Hành chính, chính trị  
Thủy nguyên - Hải Phòng

Giấy phép xuất bản số: 52/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.

In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình  
Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

## TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ XÁC ĐỊNH QUỐC TỊCH KHI KHAI SINH CHO TRẺ EM

### GIỚI THIỆU VỀ QUỐC TỊCH



Hải Phòng 2025

## 1. Quốc tịch Việt Nam

Quốc tịch Việt Nam thể hiện mối quan hệ gắn bó của cá nhân với Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước và quyền, trách nhiệm của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với công dân Việt Nam



## 2. Quyền đối với quốc tịch

- Ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mỗi cá nhân đều có quyền có quốc tịch. Công dân Việt Nam không bị tước quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại Điều 31 của Luật này.

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

Việt Nam là Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, mọi thành viên của các dân tộc đều bình đẳng về quyền có quốc tịch Việt Nam.

## 3. Xác định quốc tịch của trẻ em khi thực hiện thủ tục về khai sinh

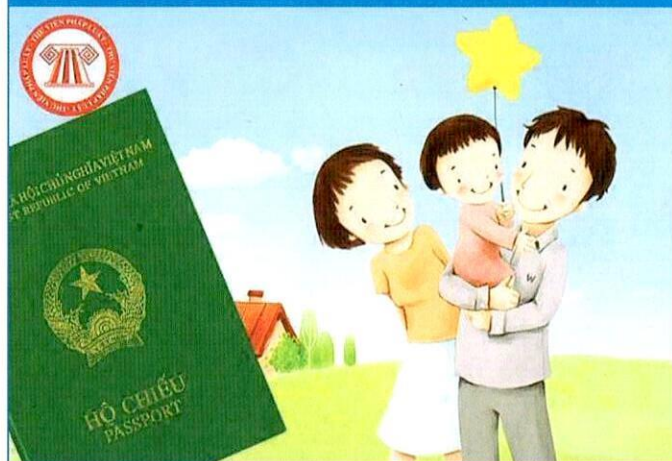
### \* Đăng ký khai sinh

1. Trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài thì việc xác định quốc tịch Việt Nam của trẻ em theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Quốc tịch Việt Nam được thực hiện như sau:

a) Trẻ em có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh.

b) Trường hợp trẻ em được sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam mà cha mẹ không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam. Cha hoặc mẹ lập văn bản cam đoan về việc không thỏa thuận được việc lựa chọn quốc tịch cho con và chịu trách nhiệm về việc cam đoan này.

c) Trường hợp trẻ em đã được đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, có quốc tịch nước ngoài thì trẻ em đó có quốc tịch Việt Nam nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con khi thực hiện ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh và việc giữ quốc tịch nước ngoài phải phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch. Cha mẹ trẻ phải có bản cam đoan về việc giữ quốc



tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước mà trẻ đang mang quốc tịch và chịu trách nhiệm về việc cam đoan này.

2. Khi thực hiện thủ tục về khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trường hợp trẻ em có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài, thì tên của trẻ có thể lựa

quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam và con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận

được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ sau:

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp về việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó. Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này thì người đó phải có bản cam đoan về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không quy định việc cấp loại giấy tờ này và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó;

+ Bản cam kết không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/c: Toà E - Trung tâm Hành chính, chính trị  
Thủy nguyên - Hải Phòng

Giấy phép xuất bản số: 51/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.

In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình

Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

## TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM



Hải Phòng 2025

## 1. Nguyên tắc quốc tịch

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác.

## 2. Căn cứ mất quốc tịch Việt Nam

- Được thôi quốc tịch Việt Nam;
- Bị tước quốc tịch Việt Nam;
- Không đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam theo quy định;
- Trẻ em quy định chưa đủ 15 tuổi không còn quốc tịch Việt Nam trong các trường hợp: Tìm thấy cha mẹ mà cha mẹ chỉ có quốc tịch nước ngoài; Chỉ tìm thấy cha hoặc mẹ mà người đó chỉ có quốc tịch nước ngoài;
- Theo điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.



## 3. Điều kiện được trở lại quốc tịch Việt Nam:

- Các trường hợp đã mất quốc tịch Việt Nam có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì được xem xét giải quyết trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.

- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng 02 điều kiện (Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó; Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và được Chủ tịch nước cho phép.

## 4. Hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam gồm các giấy tờ sau:

- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam;
- Bản sao Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế;
- Bản khai lý lịch;



- Giấy tờ chứng minh thông tin lý lịch tư pháp;

- Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam;

- Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài;

- Con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ thì phải nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh

giấy tờ, văn bản chứng thực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo và đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đăng tải thông tin về giấy tờ, văn bản đã được chứng thực nhưng không có giá trị pháp lý lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.



### 3. Phí chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Phí chứng thực bản sao từ bản chính: 2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản.

Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.



- Phí chứng thực chữ ký: 10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản.



- Chứng thực hợp đồng, giao dịch 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch;

- Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch;

- Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.



Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản thì phải nộp chi phí để thực hiện việc đó.

#### SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đ/c: Toà E - Trung tâm Hành chính, chính trị  
Thủy nguyên - Hải Phòng

Giấy phép xuất bản số: 49/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.

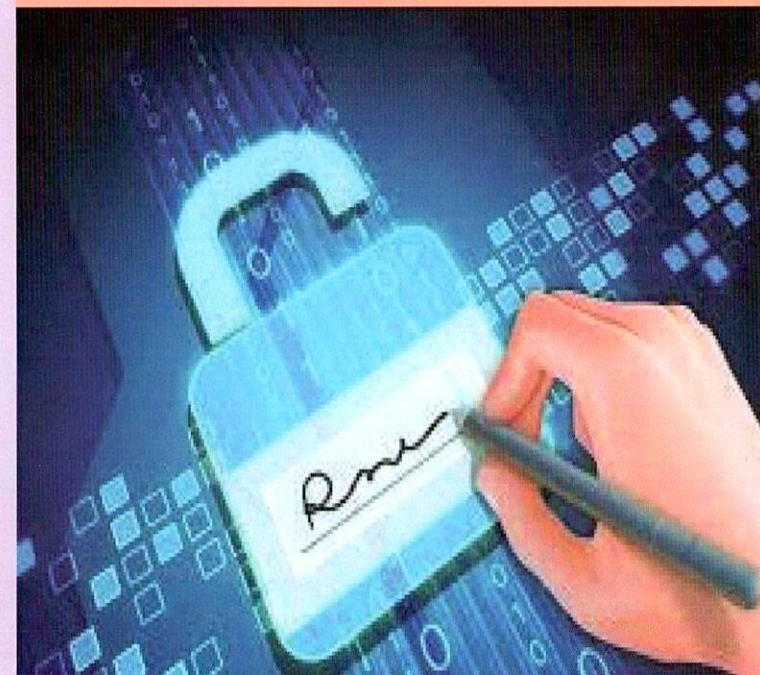
In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình

Số lượng: 20.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

## TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG THỰC



## 1. Thẩm quyền chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 280/2025/NĐ-CP), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền:

- Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.



- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản;



- Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang

tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;  
- Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản



- Chứng thực giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;



- Chứng thực giao dịch về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở;  
- Chứng thực di chúc;  
- Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;  
- Chứng thực văn bản phân chia di sản là tài sản (động sản, quyền của người sử dụng đất, nhà ở).

## 2. Xử lý văn bản chứng thực không đúng quy định

- Các giấy tờ, văn bản được chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký không đúng quy định thì không có giá trị pháp lý.



- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư số 01/2020/TT-BTP đối với giấy tờ, văn bản do cơ quan mình chứng thực.



- Việc hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực do Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trước đây thực hiện chứng thực thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mới nơi lưu trữ hồ sơ chứng thực, Sổ chứng thực, giấy tờ và văn bản đã chứng thực.

- Sau khi ban hành quyết định hủy bỏ

- Bài kiểm tra được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông, mỗi câu hỏi là 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông, mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 05 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm;

- Số điểm đạt được của người dự kiểm tra tương ứng với thời điểm nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm mô phỏng;

- Người dự kiểm tra đạt từ 35/50 điểm trở lên là đạt yêu cầu.

### **9. Phục hồi điểm giấy phép lái xe mô tô bị trừ hết điểm:**

Người có giấy phép lái xe mô tô bị trừ hết điểm được phục hồi điểm giấy phép lái xe khi có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu:

- Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng A1 làm bài kiểm tra trong thời gian 19 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 21/25 điểm trở lên và không trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì đạt yêu cầu.

- Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng A, B1 làm bài kiểm tra trong thời gian 19 phút.

Kết cấu bài kiểm tra gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 23/25 điểm trở lên và không trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì đạt yêu cầu.

### **10. Phục hồi điểm giấy phép lái xe ô tô bị trừ hết điểm:**

Người có giấy phép lái xe ô tô bị trừ hết điểm được phục hồi điểm giấy phép lái xe khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu đối với cả 02 nội dung là kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật và kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng quy định:

- Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng B làm bài kiểm tra trong thời gian 20 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 27/30 điểm trở lên và không

trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì đạt yêu cầu là đạt yêu cầu.

- Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng C1 làm bài kiểm tra trong thời gian 22 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 35 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 32/35 điểm trở lên và không trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì đạt yêu cầu là đạt yêu cầu.

- Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng C làm bài kiểm tra trong thời gian 24 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 36/40 điểm trở lên và không trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì đạt yêu cầu.

- Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng D1, D2, D, BE, C1Q, CE, D1E, D2E, DE làm bài kiểm tra trong thời gian 26 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 41/45 điểm trở lên và không trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì đạt yêu cầu.

- Người có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật không đạt yêu cầu thì không được kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng.

- Người có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu nhưng có kết quả kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng không đạt yêu cầu thì được bảo lưu kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật trong thời gian 01 năm, kể từ ngày kiểm tra có kết quả đạt yêu cầu.

- Người dự kiểm tra có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu có thể đăng ký kiểm tra lại sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra trước đó.

### **SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Đ/c: Toà nhà E - Trung tâm Chính trị - Hành chính,  
phường Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng

Giấy phép xuất bản số: 57/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.

In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình

Số lượng: 30.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



**SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

# **MỘT SỐ ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ GIẤY PHÉP LÁI XE**

*(Theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ  
năm 2024 và Thông tư số 65/2024/TT-BCA  
ngày 12/11/2024)*

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ bao gồm: người điều khiển xe cơ giới, người điều khiển xe thô sơ, người điều khiển xe máy chuyên dùng giới (sau đây gọi là người lái xe). Người lái xe tham gia giao thông đường bộ phải đủ tuổi, sức khỏe theo quy định của pháp luật; có giấy phép lái xe đang còn hiệu lực, còn hiệu lực phù hợp với loại xe đang điều khiển do cơ quan có thẩm quyền cấp.

### 1. Các giấy tờ phải mang theo người lái xe khi tham gia giao thông đường bộ

- Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có chứng thực kèm bản gốc giấy tờ xác nhận của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài còn hiệu lực trong trường hợp xe đang được thế chấp tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển;

- Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới theo quy định của pháp luật;

- Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;

Trường hợp giấy tờ này đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

### 2. Tuổi, sức khỏe của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ

Độ tuổi của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng được quy định như sau:

- Người đủ 16 tuổi trở lên được điều khiển xe gắn máy;

- Người đủ 18 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng A1, A, B1, B, C1, được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

- Người đủ 21 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng C, BE;

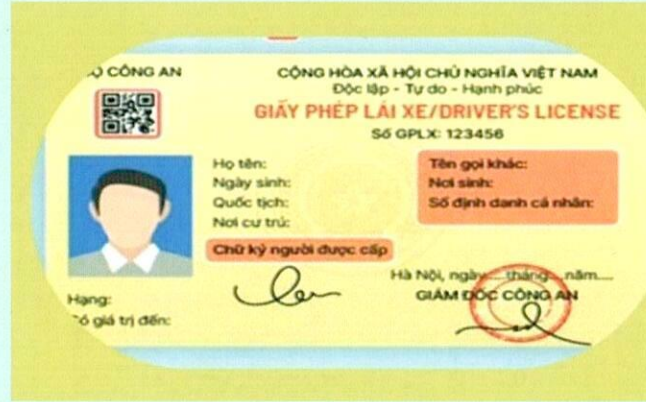
- Người đủ 24 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D1, D2, C1E, CE;

- Người đủ 27 tuổi trở lên được cấp giấy phép lái xe hạng D, D1E, D2E, DE;

- Tuổi tối đa của người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), xe ô tô chở người giường nằm là đủ 57 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ.

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải bảo đảm điều kiện sức khỏe phù hợp với từng loại phương tiện được phép điều khiển.

### 3. Điểm của giấy phép lái xe



- Điểm của giấy phép lái xe được dùng để quản lý việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của người lái xe trên hệ thống cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm 12 điểm;

- Số điểm trừ mỗi lần vi phạm tùy thuộc tính chất, mức độ của hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Dữ liệu về điểm trừ giấy phép lái xe của người vi phạm sẽ được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngay sau khi quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và thông báo cho người bị trừ điểm giấy phép lái xe biết;

- Giấy phép lái xe chưa bị trừ hết điểm và không bị trừ điểm trong thời hạn 12 tháng từ ngày bị trừ điểm gần nhất thì được phục hồi đủ 12 điểm;

- Giấy phép lái xe sau khi đổi, cấp lại, nâng hạng được giữ nguyên số điểm của giấy phép lái xe trước khi đổi, cấp lại, nâng hạng;

- Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe.

- Trường hợp giấy phép lái xe bị trừ hết điểm thì người có giấy phép lái xe không được điều khiển

phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo giấy phép lái xe đó. Sau thời hạn ít nhất là 06 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm, người có giấy phép lái xe được tham gia kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định về sát hạch lái xe do lực lượng Cảnh sát giao thông tổ chức, có kết quả đạt yêu cầu thì được phục hồi đủ 12 điểm.

### 4. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Cục Cảnh sát giao thông và Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

### 5. Nội dung kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm:

- Kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo bộ câu hỏi lý thuyết dùng cho sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ do Cục Cảnh sát giao thông xây dựng và ban hành.

- Kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính do Bộ Công an phê duyệt, ban hành.

### 6. Phương pháp kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

- Đối với kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật, người dự kiểm tra thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính theo phần mềm kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Đối với kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng, người dự kiểm tra xử lý các tình huống giao thông theo mô phỏng trên máy tính.

### 7. Hồ sơ đăng ký kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

- Đơn đề nghị kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo mẫu.

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng.

### 8. Thời gian, kết cấu bài kiểm tra và kết quả kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng đạt yêu cầu:

- Thời gian kiểm tra không quá 10 phút;

Tòa án xem xét, quyết định việc xét xử kín đối với vụ án mua bán người theo yêu cầu của nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân theo quy định của pháp luật.

#### **6. Căn cứ xác định nạn nhân mua bán người**

Việc xác định nạn nhân mua bán người căn cứ vào tài liệu, chứng cứ sau:

- Tài liệu, chứng cứ do cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp;
- Thông tin, tài liệu do cơ quan giải cứu nạn nhân cung cấp; Thông tin, tài liệu do cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cung cấp; Thông tin, tài liệu do cơ quan, tổ chức khác trong nước cung cấp; Tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cung cấp;
- Lời khai, tài liệu do người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ cung cấp;
- Lời khai, tài liệu do người thực hiện hành vi mua bán người cung cấp;
- Lời khai, tài liệu do nạn nhân khác hoặc những người biết sự việc cung cấp;
- Các tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa chứng minh được một người có phải là nạn nhân hay không, sau khi xác minh lý lịch, thời gian vắng mặt tại nơi cư trú, lý do vắng mặt phù hợp với lời khai của họ về việc bị mua bán thì xem xét các dấu hiệu sau đây để xác định họ là nạn nhân:

- Người đó được phát hiện, giải cứu cùng với nạn nhân khác;
- Người đó đã có thời gian chung sống cùng với nạn nhân tại nơi các đối tượng thực hiện hành vi mua bán người giam giữ, quản lý và bị đối xử như nạn nhân này;
- Người đó có dấu hiệu bị bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể, bị đối xử tàn tệ, bị thương tích, sợ hãi, hoảng loạn, trầm cảm, ốm yếu theo xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền hoặc bị xâm hại bởi hành vi nhằm mục đích vô nhân đạo khác theo quy định;
- Người thân thích trình báo về việc mất tích của họ trong thời gian họ vắng mặt tại nơi cư trú;

- Căn cứ hợp pháp khác có cơ sở để tin rằng người đó là nạn nhân.

#### **7. Các quy định về đối tượng và chế độ hỗ trợ nạn nhân của mua bán người**

Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ hỗ trợ sau đây: Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; Hỗ trợ y tế; Hỗ trợ phiên dịch; Hỗ trợ pháp luật; Trợ giúp pháp lý; Hỗ trợ chi phí đi lại; Hỗ trợ tâm lý; Hỗ trợ học văn hóa; Hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm; Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

Người dưới 18 tuổi đi cùng nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được hưởng chế độ nêu trên trừ hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm; Trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng đang ở nước ngoài được hưởng chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; Hỗ trợ y tế; Hỗ trợ phiên dịch và hỗ trợ pháp luật.

Người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam và người dưới 18 tuổi đi cùng ở trong nước được hưởng chế độ hỗ trợ quy định nêu trên trừ các hỗ trợ học văn hóa; hỗ trợ học nghề, tư vấn, tạo điều kiện để có việc làm và trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn.

Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam thì tùy từng trường hợp được hưởng chế độ hỗ trợ nhu cầu thiết yếu; Hỗ trợ y tế; Hỗ trợ phiên dịch; Hỗ trợ pháp luật; Trợ giúp pháp lý; Hỗ trợ tâm lý.

#### **SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Đ/c: Toà nhà E - Trung tâm Chính trị - Hành chính, phường Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng

Giấy phép xuất bản số: 55/GP-SVHTTDL ngày 12/12/2025.

In tại: Công ty Cổ phần In và Văn hóa phẩm Ninh Bình

Số lượng: 25.000 bản. Xuất bản phẩm không bán



**SỞ TƯ PHÁP  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

## **TÌM HIỂU VỀ LUẬT PHÒNG, CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI**



*Mua bán người là hành vi tuyên mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người nhằm mục đích nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể người hoặc nhằm mục đích vô nhân đạo khác bằng cách dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác.*

### **1. Các hành vi bị nghiêm cấm**

- Mua bán người.
- Thỏa thuận mua bán người từ khi còn đang là bào thai.
- Cưỡng bức, môi giới hoặc xúi giục người khác thực hiện hành vi mua bán hoặc thỏa thuận mua bán người.
- Đe dọa, trả thù nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người thân thích của họ, người làm chứng, người tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo hoặc người ngăn chặn hành vi đe dọa, trả thù nạn nhân.
- Dung túng, bao che, tiếp tay, cản trở, can thiệp, không xử lý hoặc xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi mua bán người.
- Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện hành vi trái pháp luật.
- Cản trở việc giải cứu, tiếp nhận, xác minh, xác định, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
- Cản trở việc phát hiện, tố giác, báo tin, tố cáo, khai báo, xử lý hành vi theo quy định.
- Xúc phạm, kỳ thị, phân biệt đối xử đối với nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân.
- Tiết lộ thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
- Giả mạo là nạn nhân.

### **2. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân có quyền sau đây:**

- Đề nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ mình, người thân thích của mình khi bị xâm hại, bị đe dọa xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự,

nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến phòng, chống mua bán người;

- Được thông tin về quyền, lợi ích hợp pháp của mình và các biện pháp phòng ngừa mua bán người; Được hưởng chế độ hỗ trợ hoặc từ chối nhận hỗ trợ theo quy định;

- Được bảo vệ bí mật thông tin, dữ liệu về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, nơi cư trú, nơi làm việc và thông tin khác theo quy định của pháp luật;

- Được cơ quan, người có thẩm quyền cấp giấy tờ, tài liệu xác nhận nạn nhân;

- Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; Được từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

### **3. Quy định về giải cứu, tiếp nhận, xác minh nạn nhân của hành vi mua bán người đang ở nước ngoài**

Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài khi tiếp nhận thông tin, tài liệu về người là nạn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước trao đổi, do người tự trình báo là nạn nhân hoặc do người biết việc đến trình báo thì thực hiện các công việc sau đây:

- Trường hợp người đó chưa được giải cứu thì thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại để phối hợp kiểm tra, xác minh và giải cứu;

- Trường hợp người tự trình báo là nạn nhân hoặc đã được giải cứu thì phối hợp với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin, thu thập tài liệu liên quan, thực hiện hỗ trợ theo quy định và cấp một trong các giấy tờ, tài liệu xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân mua bán người.

Ngay sau khi nhận được đề nghị xác minh của cơ

quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở trong nước có trách nhiệm tổ chức xác minh, trả lời cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và phối hợp cấp giấy tờ cần thiết, làm thủ tục đưa về nước.

Trường hợp chưa đủ căn cứ cấp giấy tờ, tài liệu xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân mua bán người, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các biện pháp bảo hộ công dân theo quy định của pháp luật và đề nghị cơ quan có thẩm quyền ở trong nước xác minh, cấp một trong các giấy tờ xác nhận là nạn nhân hoặc giấy xác nhận không phải là nạn nhân mua bán người.

Trường hợp thỏa thuận quốc tế có quy định về việc trao đổi thông tin trực tiếp, hợp tác về phòng, chống mua bán người giữa cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, tổ chức quốc tế với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì thực hiện theo thỏa thuận đó.

### **4. Điều kiện và đối tượng được bảo vệ**

Những người sau đây nếu bị xâm hại, bị đe dọa xâm hại, có nguy cơ bị xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác do có liên quan đến vụ việc, vụ án mua bán người thì tùy từng trường hợp được áp dụng các biện pháp bảo vệ theo quy định, cụ thể:

- Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng;

- Người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân;

- Cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân.

### **5. Quy định về bảo vệ bí mật thông tin về nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ bí mật về nơi cư trú, nơi làm việc, học tập, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.